

Số: 140 /GPMT-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 11 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 35.2023/CV-MS ngày 13/11/2023 của Công ty TNHH Nội thất Musen về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Nhà máy Công ty TNHH Musen”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 80/TTr-BQL ngày 23/11/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Nội thất Musen (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô 99, cụm B7, KCN Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy Công ty TNHH Musen” (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy Công ty TNHH Musen”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 99, cụm B7, KCN Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 1056514253 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 05/7/2021, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 29/3/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801256591 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 12/7/2021.

1.4. Mã số thuế: 3801256591.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công đồ gỗ nội ngoại thất; cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô 99, cụm B7, KCN Đồng Xoài III, xã Tiên Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích: 34.287,3 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô hạng mục công trình:

+ Hạng mục công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, nhà văn phòng có tổng diện tích 21.609,75 m<sup>2</sup>.

+ Hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe và căn tin, trạm điện, trạm bơm, bể PCCC... có tổng diện tích 531,60 m<sup>2</sup>.

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Bể xử lý nước thải; hệ thống xử lý bụi, khí thải; kho chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại có tổng diện tích 165,0 m<sup>2</sup>.

+ Cây xanh có diện tích 6.863,56 m<sup>2</sup>; đường giao thông, sân bãi nội bộ có diện tích 5.117,4 m<sup>2</sup>.

- Công suất:

+ Sản xuất, gia công đồ gỗ nội ngoại thất với quy mô 370.000 sản phẩm/năm.

+ Cho thuê nhà xưởng diện tích 10.341 m<sup>2</sup>.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Nội thất Musen:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Nội thất Musen có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Đồng Xoài, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 29 tháng 11 năm 2023 đến ngày 29 tháng 11 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Nội thất Musen;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thành phố Đồng Xoài;
- Công ty CPĐT KD Nhà Bình Phước;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT (NN-40GP 211).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Huỳnh Anh Minh*

**Phụ lục 1.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: .140../GPMT-UBND  
ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án (bao gồm nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Nội thất Musen và nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê xưởng) sau xử lý sơ bộ phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Đồng Xoài III (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT), sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ Dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III tại các Văn bản: Hợp đồng cho thuê đất số 33/HĐTĐ/KCNĐXIII.2021 ngày 25/5/2021, Biên bản thỏa thuận đầu nối hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải vào hệ thống chung của KCN Đồng Xoài III ngày 14/4/2023.

- Đối với nước thải sản xuất:

Công ty TNHH Nội thất Musen không phát sinh nước thải sản xuất.

Nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê xưởng (nếu có): Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định; có phương án thu gom, xử lý nước thải sản xuất theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH Nội thất Musen không xử lý nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê xưởng.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Công ty TNHH Nội thất Musen (bao gồm: Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và nước thải từ lavabo, nước rửa sàn) với lưu lượng khoảng 21 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy, công

suất 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của đơn vị thuê xưởng (bao gồm: Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn và nước thải từ lavabo, nước rửa sàn) với lưu lượng tối đa 20,7 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy, công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

+ Nguồn số 03: Nước thải sản xuất (nếu có) phát sinh từ đơn vị thuê xưởng: Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy định của pháp luật và thể hiện rõ trong hồ sơ của đơn vị thuê xưởng.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Nội thất Musen và đơn vị thuê xưởng

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (1).

+ Nước thải từ lavabo, nước rửa sàn (2).

(1) + (2) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

- Công suất thiết kế: 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine, NaOH.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ):

STT	Mã số bể	Hạng mục công trình	Chất liệu	Kích thước (m) (DxRxH)	Thể tích (m <sup>3</sup> )
1	TK-01	Bể thu gom	BTCT	1 x 1 x 3,8	3,80
2	TK-02	Bể điều hòa	BTCT	3,1 x 3 x 3,8	35,34
3	TK-03	Bể thiếu khí	BTCT	1,8 x 3,1 x 3,8	21,20
4	TK-04	Bể hiếu khí	BTCT	1,6 x 3 x 3,8	18,24
5	TK-05	Bể lắng sinh học	BTCT	1,5 x 1,5 x 3,8	8,55
6	TK-06	Bể khử trùng	BTCT	1 x 0,5 x 3,8	1,90
7	TK-07	Bể chứa bùn	BTCT	1,5 x 1 x 3,8	5,70

### *1.2.2. Nước thải sản xuất từ đơn vị thuê xưởng (nếu có)*

Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy định của pháp luật và thể hiện rõ trong hồ sơ của đơn vị thuê xưởng.

### *1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục*

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### *1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố*

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, công thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đồng Xoài III để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### *2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm*

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm b, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### *2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm*

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 50 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ).

#### *2.2.1. Vị trí lấy mẫu*

Mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, lấy tại hồ ga trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III; tọa độ: X: 1272477,6; Y:568593,9 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến: 106<sup>0</sup>15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

#### *2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm*

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5 – 9
2	TSS	mg/l	100
3	COD	mg/l	150
4	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
5	Tổng Nitơ	mg/l	40
6	Tổng Photpho	mg/l	6
7	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
8	Amoni	mg/l	10
9	Coliforms	MPN/100ml	5.000

### 2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Đồng Xoài III (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B), không xả trực tiếp ra môi trường.

**3.2.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình thu gom nước thải.

**3.3.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ.

**3.4.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.5.** Công ty TNHH Nội thất Musen chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài III để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

**3.6.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 2.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 140.../GPMT-UBND*  
*ngày 29./M../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi từ công đoạn cưa.
- Nguồn số 02: Bụi từ công đoạn cắt.
- Nguồn số 03: Bụi từ công đoạn khoan.
- Nguồn số 04: Bụi từ công đoạn bào.
- Nguồn số 05: Bụi từ công đoạn chà nhám.
- Nguồn số 06: Hơi keo từ công đoạn dán keo định hình sản phẩm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiều 3 <sup>0</sup>	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thải của HTXL bụi gỗ từ quá trình cưa, cắt, khoan, bào (nguồn số 01 đến 04)	1272373,4	568712,3
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thải của HTXL bụi gỗ từ quá trình chà nhám (nguồn số 05)	1272373,5	568742,6
3	Dòng khí thải số 03	Ống thải của HTXL từ quá trình dán keo định hình sản phẩm (nguồn số 06)	1272373,3	568682,0

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Nội thất Musen, địa chỉ: tại lô 99, cụm B7, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 21.600 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 7.200 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 14.400 m<sup>3</sup>/giờ.



### 2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 7 m, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 7 m, đường kính 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải (chiều cao 7 m, đường kính 550 mm), xả liên tục khi hoạt động.

### 2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số  $k_p = 0,9$ ;  $k_v = 1,0$ ), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B với $k_p=0,9$ và $k_v=1,0$ ; QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan, bào (dòng khí thải số 01)	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần - Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - Đối với thông số ô nhiễm Viny Acetate sẽ thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh
		Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	
2	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám (dòng khí thải số 02)	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	
		Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180	
3	Tại ống thoát khí của hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình dán keo định hình sản phẩm (dòng khí thải số 03)	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	
		Cyclohexane	mg/Nm <sup>3</sup>	1.300	
		Viny Acetate	mg/Nm <sup>3</sup>	-	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

- Nguồn số 01 đến 04: Bụi phát sinh từ quá trình cưa, cắt, khoan, bào được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý (dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ quá trình chà nhám được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi để xử lý (dòng khí thải số 02).

- Nguồn số 06: Hơi keo từ quá trình dán keo định hình sản phẩm được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý (dòng khí thải số 03).

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, cắt, khoan, bào (nguồn số 01 đến 04)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Các khu vực phát sinh bụi → Ống thu gom → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 21.600 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

##### **1.2.2. Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám (nguồn số 05)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Các khu vực phát sinh bụi → Ống thu gom → Quạt hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 7.200 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất.

##### **1.2.3. Hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình dán keo định hình sản phẩm (nguồn số 06)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khu vực phát sinh hơi keo → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 14.400 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

#### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điều b, Khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

#### **2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm**

- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình cưa, khoan, cắt, bào (dòng số 01): Công suất thiết kế 21.600 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám (dòng số 02): Công suất thiết kế 7.200 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý hơi keo từ quá trình dán keo định hình sản phẩm (dòng số 03): Công suất thiết kế 14.400 m<sup>3</sup>/giờ.

##### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

03 vị trí, tương ứng với 03 ống thoát khí thải của 03 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

##### **2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

- Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $k_p = 0,9$ ,  $k_v = 1$ ).

- Đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

##### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

**3.2.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.3.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

**3.4.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.5.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 3.**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1.40.../GPMT-UBND  
ngày 29./M./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực cửa,
- Nguồn số 02: Khu vực cắt.
- Nguồn số 03: Khu vực khoan.
- Nguồn số 04: Khu vực chà nhám.
- Nguồn số 05: Khu vực bào.
- Nguồn số 06: Khu vực lắp ráp.
- Nguồn số 07: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 08: Khu vực hệ thống xử lý bụi từ quá trình cửa, cắt, khoan, bào.
- Nguồn số 09: Khu vực hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám.
- Nguồn số 10: Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình dán keo.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Lô 99, Cụm B7, KCN Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực cửa	1272405,86	568100,11
2	Khu vực cắt	1272421,20	568090,98
3	Khu vực khoan	1272396,62	568091,04
4	Khu vực bào	1272428,70	568709,16
5	Khu vực chà nhám	1272416,49	568742,52
6	Khu vực lắp ráp	1272247,86	568092,13
7	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1272488,84	568109,02
8	Khu vực hệ thống xử lý bụi từ quá trình cửa, cắt, khoan, bào	1272376,48	568712,30

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 <sup>0</sup> 15', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X (m)	Y (m)
9	Khu vực hệ thống xử lý bụi từ quá trình chà nhám	1272379,61	568742,60
10	Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình dán keo	1272416,49	568742,52

### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa hoặc thay mới các máy móc, thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

**2.1.** Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**2.2.** Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



**Phụ lục 4.**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 140.../GPMT-UBND*  
*ngày 29.../11.../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

*1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên*

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	09 01 01	KS	56.929
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	350
3	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	10
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	200
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	900
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	40
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	12
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	2.640
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	NH	15
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng (trong buồng hấp phụ) từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	200
<b>Tổng khối lượng</b>					<b>61.296</b>



Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải khác	TT-R	09 01 03	165.326
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ.	TT-R	18 01 05	230
3	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH (đinh, gim...)	TT-R	11 04 03	30
4	Các vật liệu mài thải khác (Giấy nhám)	TT	07 03 17	150
5	Bùn thải từ các quá trình xử lý nước thải sinh hoạt	TT	12 06 13	199.290
<b>Tổng khối lượng</b>				<b>365.026</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	56,16
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>56,16</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

**2.1.2. Kho lưu chứa**

- Diện tích kho: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định...



## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa**

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh.

### **2.2.2. Kho lưu chứa**

- Diện tích kho: 30 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,...

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa**

Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh.

### **2.2.2. Khu vực lưu chứa**

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có mái che, khu lưu giữ được cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại.

## **2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5.****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *.A.40.../GPMT-UBND*  
ngày *29./M../2023* của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối việc cho thuê nhà xưởng dư thừa.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.

